

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 3 năm 2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Đoan

2. Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Huỳnh Thị V, sinh năm 1982 (có mặt)

- *Bị đơn:* Nguyễn B, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp BL, xã TH, huyện HQ, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thị V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị V và anh Nguyễn B, sau khi tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau từ cuối năm 2005, anh chị không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B có tính gia trưởng, luôn khắt khe với vợ con, anh B có tình cảm với người khác, không quan tâm đến vợ con nên anh chị thường xuyên cãi vã. Do mâu thuẫn kéo dài, tình cảm không còn nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị V và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh ngày 07/12/2007. Khi ly hôn, chị V yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu B1 cho đến khi trưởng thành mà không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị V và anh B có 1 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 50m² trên thửa đất 500m² tại tổ 5, ấp BL, xã TH, huyện HQ, tỉnh Bình Phước cùng một số đồ dùng sinh hoạt trong nhà nhưng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị V và anh B không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 21/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn B trình bày:* Anh B thống nhất với phần trình bày của chị V về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trước yêu cầu của chị V thì anh B đồng ý ly hôn và giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc B1 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành mà anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh B và chị V tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện chị V và anh B tự nguyện chung sống từ năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, anh chị đều thống nhất yêu cầu giải quyết ly hôn và giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh B đồng thời giao cháu Nguyễn Thị Ngọc B1 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Chị Huỳnh Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn B có nơi cư trú tại tổ 5, ấp BL, xã TH, huyện HQ, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn B và chị Huỳnh Thị V thống nhất anh chị tự nguyện chung sống từ năm 2005 mà không làm lễ cưới theo phong tục tập quán cũng như không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp về lối sống, thường xuyên cãi nhau, anh chị thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân chỉ được công nhận và Tòa án giải quyết cho ly hôn khi các đương sự thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hoặc được pháp luật thừa nhận là hôn nhân thực tế, do đó căn cứ quy định tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì Tòa án không công nhận anh Nguyễn B và chị Huỳnh Thị V là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Nguyễn B và chị Huỳnh Thị V có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh ngày 07/12/2007. Anh B và chị V thống nhất giao cháu B1 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành mà anh B không phải cấp dưỡng nuôi con, nhận thấy sự thỏa thuận của các đương sự là không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng được ở chung với mẹ của cháu B1 nên được ghi nhận.

[3]. Về tài sản chung: Anh Nguyễn B và chị Huỳnh Thị V thống nhất anh chị có 01 căn nhà cấp 4 tại tổ 5, ấp BL, xã TH, huyện HQ, tỉnh Bình Phước và một số vật dụng trong gia đình nhưng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh B và chị V có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi có yêu cầu và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nợ chung: Anh Nguyễn B và chị Huỳnh Thị V thống nhất anh chị không có nợ ai và không ai nợ mình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các điều 14, 15, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Huỳnh Thị V, tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị V, sinh năm 1982 và anh Nguyễn B, sinh năm 1976; cùng trú tại tổ 5, ấp BL, xã TH, huyện HQ, tỉnh Bình Phước là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh ngày 07/12/2007 cho chị Huỳnh Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi mà anh Nguyễn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, anh B và chị V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005119 ngày 04 tháng 01 năm 2019.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể tuyên án; Anh Nguyễn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Nhum